

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2013/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia (viết tắt là Dự án KH&CN) thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

2. Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Dự án KH&CN thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia (viết tắt là SPQG) đến năm 2020.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức xây dựng, xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án KH&CN theo quy định tại Chương III của Thông tư số 10/2013/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BKHHCN).

2. Việc xét duyệt Dự án KH&CN và nhiệm vụ KH&CN (viết tắt là nhiệm vụ) thuộc Dự án KH&CN do Cơ quan chủ quản SPQG (Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) chủ trì thực hiện thông qua Hội đồng xét duyệt do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập.

3. Việc thẩm định Dự án KH&CN và nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét duyệt và Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, đảm bảo tính khách quan và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

b) Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến nhận xét, đánh giá; các thành viên và thư ký hành chính của Hội đồng, đại biểu tham dự có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình xét duyệt, thẩm định;

c) Phiên họp chính thức của Hội đồng xét duyệt phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và các ủy viên phản biện. Phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch và Phó chủ tịch. Ý kiến nhận xét của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

d) Chủ tịch điều hành các phiên họp Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch có trách nhiệm điều hành phiên họp của Hội đồng.

5. Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG có quyền lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập (sau đây gọi chung là chuyên gia tư vấn độc lập) trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

Chương II

XÉT DUYỆT DỰ ÁN KH&CN

Điều 3. Hồ sơ và danh mục sơ bộ Dự án KH&CN

1. Việc thực hiện đăng ký và xây dựng Thuyết minh Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN.

2. Hồ sơ Dự án KH&CN gồm 01 bộ hồ sơ gốc và 01 file pdf chứa các tài liệu sau:

- a) 01 Đơn đăng ký của Tổ chức đăng ký chủ trì;
- b) 01 bản chính Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo Mẫu B5-DAKH&CN-SPQG quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN;
- c) 01 bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động KH&CN, đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký chủ trì;
- d) 01 bản chính tóm tắt hoạt động KH&CN, sản xuất kinh doanh của tổ chức đăng ký chủ trì;
- đ) 01 bản chính tóm tắt lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Dự án KH&CN;
- e) 01 bản sao báo cáo tài chính 03 năm gần nhất của tổ chức đăng ký chủ trì Dự án KH&CN.

3. Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN

a) Đối với sản phẩm quốc gia do các bộ, ngành quản lý:

Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn Hồ sơ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Quyết định số 2441/QĐ-TTg), Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN và các văn bản khác có liên quan để xây dựng Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN đáp ứng yêu cầu theo mẫu quy định (Biểu A1-DMSB-DAKH&CN-SPQG tại Phụ lục 1) trình Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG quyết định đưa ra Hội đồng xét duyệt;

b) Đối với sản phẩm quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý:

Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn Hồ sơ đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg, Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN và các văn bản khác có liên quan để xây dựng Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN đáp ứng yêu cầu theo mẫu quy định (Biểu A1-DMSB-DAKH&CN-SPQG tại Phụ lục 1) trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định đưa ra Hội đồng xét duyệt.

Đối với các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Ban chủ nhiệm chương trình hoặc Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo cho các tổ chức đăng ký chủ trì biết.

Điều 4. Xét duyệt Dự án KH&CN

1. Tổ chức Hội đồng:

a) Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập trên cơ sở đề xuất của Đơn vị quản lý SPQG. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG đánh giá Hồ sơ Dự án KH&CN;

b) Thành phần Hội đồng có từ 11 đến 15 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên là các chuyên gia khoa học, cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện doanh nghiệp, trong đó số cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện doanh nghiệp chiếm 40-50%. Cá nhân dự kiến làm chủ nhiệm Dự án KH&CN, chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không được là thành viên Hội đồng;

c) Thư ký hành chính của Hội đồng có từ 2 đến 3 người thuộc Đơn vị quản lý SPQG và các đơn vị chức năng thuộc Cơ quan chủ quản SPQG;

d) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

2. Đại biểu mời tham dự cuộc họp của Hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình; đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; đại diện các đơn vị chức năng thuộc Cơ quan chủ quản SPQG.

3. Tài liệu cung cấp cho các thành viên Hội đồng gồm: 01 bản sao Hồ sơ dự án KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 3; Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN (Biểu A1-DMSB-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1); 01 Quyết định thành lập Hội đồng; 01 Bản sao các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan; Phiếu nhận xét, đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN, Phiếu nhận xét, đánh giá nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định (Biểu A2-PĐG-TMDAKHCN-SPQG, Biểu A3-PĐG-NVDAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1). Tài liệu cung cấp cho các đại biểu tham dự họp gồm: 01 bản sao Hồ sơ dự án KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 3; Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN (Biểu A1-DMSB-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1).

4. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá Hồ sơ Dự án KH&CN trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

Điều 5. Trình tự, nội dung họp Hội đồng

1. Phiên họp trừ bị:

a) Các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự nhận tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đại diện Đơn vị quản lý SPQG tuyên bố lý do cuộc họp, đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; Đại diện Cơ quan chủ quản SPQG phát biểu ý kiến, nêu yêu cầu đối với Hội đồng (nếu có);

c) Chủ tịch Hội đồng điều hành cuộc họp, Hội đồng thống nhất cử 01 thành viên Hội đồng làm thư ký khoa học;

d) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc đại diện tổ chức chủ trì trình bày Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

đ) Hội đồng thảo luận sơ bộ, nêu các câu hỏi đề nghị làm rõ thêm các thông tin, nội dung của Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

e) Hội đồng cử 02 thành viên làm chuyên gia phản biện hồ sơ Dự án KH&CN;

g) Hội đồng thống nhất lịch họp phiên tiếp theo.

2. Phiên họp xác định dự án KH&CN và Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá về hồ sơ, Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN và danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; Thư ký Hội đồng đọc ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên vắng mặt (nếu có);

b) Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của Dự án KH&CN; cho ý kiến về năng lực tổ chức đăng ký chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án KH&CN;

c) Hội đồng xét duyệt thảo luận, phân tích sự cần thiết, tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến của từng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

d) Hội đồng tham khảo ý kiến của đại biểu tham dự cuộc họp;

đ) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN, phiếu đánh giá danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên trong đó có Trưởng ban và 02 ủy viên. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp theo mẫu quy định (Biểu A4-BBKP-TMDAKHCN-SPQG, Biểu A5-BBKP-NVDAKHCN-SPQG tại Phụ lục 1);

g) Hội đồng thông báo kết quả kiểm phiếu đánh giá. Dự án KH&CN được thông qua phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu “Đáp ứng yêu cầu”. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu “Đề nghị thực hiện”. Phiếu nhận xét của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

h) Trường hợp Dự án KH&CN được thông qua: Hội đồng kết luận các nội dung hồ sơ, thuyết minh cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện; Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu chuyên môn làm ủy viên phản biện cho từng nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án. Trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời thêm chuyên gia phản biện độc lập trước hoặc sau khi họp Hội đồng. Các ủy viên, chuyên gia phản biện có trách nhiệm xây dựng

nội dung đặt hàng cho từng nhiệm vụ theo mẫu quy định (Biểu A6-PĐH-ĐT-SPQG, Biểu A7-PĐH-DASXTN-SPQG tại Phụ lục 1) để đưa ra thảo luận trong phiên họp tiếp theo. Nội dung đặt hàng đối với đề tài là xác định tên, định hướng mục tiêu, dự kiến sản phẩm và thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc); đối với dự án sản xuất thử nghiệm (viết tắt là dự án SXTN) là xác định tên, mục tiêu, sản phẩm chính, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt và thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc);

i) Trường hợp Dự án KH&CN không được thông qua thì Hội đồng thống nhất kiến nghị một trong ba hướng xử lý: giao tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại hồ sơ; giao tổ chức khác xây dựng hồ sơ; đề nghị không thực hiện. Ban chủ nhiệm chương trình hoặc Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì biết.

3. Phiên họp xây dựng nội dung đặt hàng cho các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Ủy viên, chuyên gia phản biện trình bày dự thảo nội dung đặt hàng cho nhiệm vụ được phân công;

b) Hội đồng thảo luận, góp ý, hoàn thiện nội dung đặt hàng và biểu quyết thông qua từng nhiệm vụ theo nguyên tắc có ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng có mặt biểu quyết thông qua;

c) Thư ký khoa học lập Biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định (Biểu A8-BBHD-DAKH-CN-SPQG tại Phụ lục 1) kèm theo Danh mục nhiệm vụ của Dự án KH&CN đã được Hội đồng thông qua theo mẫu quy định (Biểu A9-DMNV-DAKH-CN-SPQG tại Phụ lục 1);

d) Hội đồng thống nhất kiến nghị về phương án giao trực tiếp hoặc đưa ra tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì từng nhiệm vụ của Dự án KH&CN trong Danh mục nêu tại điểm c) khoản này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng kiến nghị mời chuyên gia quốc tế, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ. Đối với những nhiệm vụ mà Hội đồng chưa xác định được tổ chức dự kiến giao trực tiếp chủ trì hoặc xét thấy có nhiều tổ chức có khả năng thực hiện thì kiến nghị áp dụng hình thức tuyển chọn.

Điều 6. Phê duyệt Danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN và báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG rà soát danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đã được Hội đồng đề nghị thực hiện.

2. Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG ra quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt, Đơn vị quản lý SPQG thông báo cho tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và hướng dẫn việc xây dựng hồ sơ đăng ký chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (đề tài, dự án SXTN) để tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

Điều 7. Xét duyệt nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Tổ chức Hội đồng:

a) Hội đồng xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập trên cơ sở đề xuất của Đơn vị quản lý SPQG. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì nhiệm vụ của các tổ chức và cá nhân được giao trực tiếp hoặc tham gia tuyển chọn. Một Hội đồng thành lập có thể xét duyệt một số nhiệm vụ có các nội dung chuyên môn trong cùng một lĩnh vực chuyên ngành;

b) Hội đồng có 09 hoặc 11 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng. Các thành viên Hội đồng là các chuyên gia khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính và cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN. Cán bộ thuộc Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể là thành viên Hội đồng, nhưng không quá 01 người. Chủ nhiệm Dự án KH&CN là thành viên bắt buộc của Hội đồng. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ, cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng;

c) Thư ký hành chính của Hội đồng có từ 02 đến 03 người thuộc Đơn vị quản lý SPQG và các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

2. Đại biểu tham dự họp Hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình; đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ; đại diện Đơn vị quản lý SPQG; đại diện các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG.

3. Tài liệu họp, trình tự, nội dung và phương thức làm việc của Hội đồng áp dụng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

4. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

5. Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ thuộc dự án KH&CN trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Chương III

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN KH&CN

Điều 8. Hồ sơ thẩm định

1. Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN gồm các bản sao sau đây:

a) Thuyết minh nhiệm vụ đã hoàn thiện kèm theo: bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng xét duyệt; danh mục liệt kê các văn bản quy định chế độ, định mức và các văn bản có liên quan được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí của nhiệm vụ; báo giá nguyên vật liệu, thiết bị, bản quyền công nghệ, hợp đồng chuyên gia và các báo giá khác có liên quan;

b) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ;

c) Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN);

d) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

2. Hồ sơ thẩm định Dự án KH&CN gồm các bản sao sau đây:

a) Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN;

b) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN;

c) Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) Quyết định phê duyệt danh mục trúng tuyển các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

đ) Biên bản họp Hội đồng thẩm định của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN;

g) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Điều 9. Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN

1. Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm chương trình. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nội dung, kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN để tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Thành phần Hội đồng gồm 9 thành viên:

a) Chủ tịch là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình, chịu trách nhiệm điều hành chung;

b) Hai Phó chủ tịch là: 01 Lãnh đạo Vụ chuyên ngành; 01 Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính hoặc Lãnh đạo Văn phòng các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ;

c) Các ủy viên là: 01 đại diện Cơ quan chủ quản SPQG; 01 Chuyên gia kinh tế, tài chính; 01 chuyên gia là đại diện Hội đồng xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ (khi thẩm định đề tài, dự án SXTN) hoặc đại diện Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN (khi thẩm định Dự án KH&CN); 01 chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; 01 chuyên viên Vụ chuyên ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ; 01 cán bộ thuộc Văn phòng các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ kiêm thư ký Hội đồng.

3. Trường hợp cần thiết đối với đề tài, dự án SXTN có nội dung phức tạp, đặc thù về công nghệ, bản quyền công nghệ hoặc những nội dung khác liên quan đến chuyên gia nước ngoài, Ban chủ nhiệm chương trình đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập. Việc tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Ban chủ nhiệm chương trình có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

Điều 10. Nội dung thẩm định Hồ sơ nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Việc thẩm định hồ sơ, nội dung và kinh phí nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nội dung chi và định mức chi căn cứ vào Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 11. Nội dung thẩm định Hồ sơ Dự án KH&CN

1. Thẩm định Hồ sơ Dự án KH&CN: rà soát tính đầy đủ, hợp lệ và hoàn thiện của Hồ sơ theo quy định.

2. Thẩm định Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: rà soát mức độ hoàn thiện các nội dung của Thuyết minh, danh mục các nhiệm vụ đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm kế hoạch, danh mục các nhiệm vụ dự kiến thực hiện tiếp theo, tổng kinh phí thực hiện, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được thẩm định. Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg, Thông tư số 10/2013/TT-BKHCN, Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Thẩm định Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN: rà soát tính pháp lý, khả thi các nguồn tài chính.

Điều 12. Tổ chức họp Hội đồng thẩm định

1. Đơn vị quản lý SPQG chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ thẩm định quy định tại Điều 8, chuẩn bị đủ số lượng hồ sơ gửi về Ban chủ nhiệm chương trình. Văn phòng các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp Hồ sơ thẩm định cho các thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi thẩm định.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm nhận xét hồ sơ theo Phiếu thẩm định theo mẫu quy định (Biểu B1-PTĐ-ĐT-SPQG, Biểu B2-PTĐ-DASXTN-SPQG, Biểu B3-PTĐ-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 2) trước phiên họp.

3. Trình tự, nội dung họp thẩm định

Chủ tịch Hội đồng điều hành các phiên họp của Hội đồng theo trình tự sau:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Chủ nhiệm Dự án KH&CN báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng xét duyệt trong việc hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh;

b) Thành viên là đại diện của Hội đồng xét duyệt nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thiện của Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng;

c) Thư ký Hội đồng đọc ý kiến của chuyên gia thẩm định độc lập (nếu có);

d) Hội đồng trao đổi, thảo luận về những vấn đề liên quan đến thủ tục, hồ sơ, nội dung khoa học và kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Chủ nhiệm Dự án KH&CN trả lời những câu hỏi của Hội đồng thẩm định;

e) Hội đồng họp riêng thảo luận và xác định về nội dung, kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Dự án KH&CN;

g) Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi chép ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; ghi Biên bản thẩm định theo mẫu quy định (Biểu B4-BBTĐ-ĐT-SPQG, Biểu B5-BBTĐ-DASXTN-SPQG, Biểu B6-BBTĐ-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 2).

4. Trong quá trình thẩm định nếu có những vấn đề vướng mắc không thống nhất được thì Chủ tịch Hội đồng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

**Chương IV
PHÊ DUYỆT DỰ ÁN KH&CN****Điều 13. Hồ sơ trình phê duyệt**

1. Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý SPQG, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN hoàn thiện và chuẩn bị 01 bộ hồ sơ quy định tại

khoản 2 điều này và Tờ trình phê duyệt theo mẫu quy định (Biểu C1-TTr-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 3) kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt theo mẫu quy định (Biểu C2-QĐ-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 3) trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) 01 bản chính Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã được hoàn thiện sau khi thẩm định;

b) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

c) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) 01 bản chính Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN;

e) 01 bản sao Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN đã được Hội đồng thẩm định thông qua;

g) 01 bản chính công văn của Cơ quan chủ quản SPQG (trường hợp Cơ quan chủ quản SPQG không là Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị phê duyệt Dự án KH&CN;

h) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Điều 14. Phê duyệt Dự án KH&CN

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt Dự án KH&CN kèm theo Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo mẫu quy định (Biểu C2-QĐ-DAKHHCN-SPQG, Biểu C3-TMTQ-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 3).

2. Phê duyệt bổ sung đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN chưa được tổ chức xét duyệt, thẩm định và phê duyệt kinh phí:

a) Căn cứ vào tiến độ thực hiện, Cơ quan chủ quản SPQG tổ chức xét duyệt nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6; Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư này;

b) Hồ sơ trình phê duyệt bổ sung gồm: 01 bản sao các văn bản quyết định phê duyệt Dự án KH&CN; tờ trình của Ban chủ nhiệm chương trình; dự thảo Quyết định phê duyệt bổ sung nhiệm vụ; 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan chủ quản SPQG; 01 bản sao Quyết định thành lập và Biên bản họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ; 01 bản chính công văn của Cơ quan chủ quản SPQG

(trường hợp Cơ quan chủ quản SPQG không là Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị phê duyệt nhiệm vụ;

c) Căn cứ vào Hồ sơ trình phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt bổ sung các nhiệm vụ để thực hiện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Dự án KH&CN căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này để tổ chức thực hiện.

2. Ban chủ nhiệm chương trình, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm quản lý toàn bộ các hồ sơ gốc và các văn bản chính trong quá trình xét duyệt, thẩm định và phê duyệt các dự án KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1**DANH MỤC MẪU XÉT DUYỆT****DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Danh mục sơ bộ Dự án KH&CN: Biểu A1-DMSB-DAKHCN-SPQG
2. Mẫu Phiếu nhận xét/đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN: Biểu A2-PĐG-TMDAKHCN-SPQG
3. Mẫu Phiếu đánh giá nhiệm vụ Dự án KH&CN: Biểu A3-PĐG-NVDAKHCN-SPQG
4. Mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN: Biểu A4-BBKP-TMDAKHCN-SPQG
5. Mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN: Biểu A5-BBKP-NVDAKHCN-SPQG
6. Mẫu Phiếu xây dựng nội dung đặt hàng đề tài thuộc Dự án KH&CN: Biểu A6-PĐH-ĐT-SPQG
7. Mẫu Phiếu xây dựng nội dung đặt hàng dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN: Biểu A7-PĐH-DASXTN-SPQG
8. Mẫu Biên bản họp Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN: Biểu A8-BBHD-DAKHCN-SPQG
9. Mẫu Danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN: Biểu A9-DMNV-DAKHCN-SPQG.

Biểu A1-DMSB-DAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ/ NGÀNH:.....

(Tên Cơ quan chủ quản SPQG)

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG:.....

(Tên Đơn vị quản lý SPQG)

DANH MỤC SƠ BỘ
CÁC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ ĐƯA RA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT

Thuộc Sản phẩm quốc gia:

(ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Dự án KH&CN	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì	Mục tiêu của Dự án KH&CN	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm của Dự án KH&CN	Ghi chú
1	Dự án 1					
2	Dự án 2					
3	Dự án 3					
...					

Ngày... tháng.... năm 20.....

THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SPQG
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Biểu A2-PĐG-TMDAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(Tên Cơ quan chủ quản SPQG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
DỰ ÁN KH&CN

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....

Ủy viên/Chuyên gia phản biện	
Thành viên Hội đồng	

PHIẾU NHẬN XÉT/ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án KH&CN:

Thuộc Sản phẩm quốc gia:
(ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Dự án KH&CN:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Học hàm, học vị, họ và tên Thành viên Hội đồng/Chuyên gia phản biện:

4. Các nội dung đánh giá (nêu ý kiến nhận xét và đánh giá về mức độ đầy đủ, phù hợp, rõ ràng của các nội dung của Hồ sơ, Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN, đồng thời chỉ ra các nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện):

STT	Nội dung nhận xét/đánh giá
1	Về mức độ đầy đủ, phù hợp của Hồ sơ Dự án KH&CN (theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Nội dung nhận xét/đánh giá
2	Về mức độ đầy đủ, phù hợp thông tin chung của Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN
	a) Xuất xứ và nguồn hình thành dự án
	b) Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến sản phẩm quốc gia của dự án
	c) Luận giải sự cần thiết của dự án
3	Về mục tiêu của Dự án KH&CN
	a) Mục tiêu về khoa học và công nghệ
	b) Mục tiêu kinh tế - xã hội
4	Về nội dung của Dự án KH&CN
	a) Nội dung trọng tâm của dự án

STT	Nội dung nhận xét/đánh giá
	b) Tiến độ, thời gian thực hiện các nội dung trọng tâm của dự án
5	Về các giải pháp thực hiện Dự án KH&CN
	a) Các giải pháp KH&CN
	b) Tổ chức phối hợp thực hiện
6	Về sản phẩm của Dự án KH&CN
7	Về hiệu quả của Dự án KH&CN
8	Về năng lực tổ chức thực hiện của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN
9	Về năng lực tổ chức thực hiện của Chủ nhiệm Dự án KH&CN
10	Về kinh phí thực hiện Dự án KH&CN
	a) Tổng kinh phí thực hiện của Dự án KH&CN
	b) Phương án huy động các nguồn kinh phí thực hiện Dự án KH&CN

5. Khuyến nghị về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Hồ sơ, Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN:

6. Kết luận đánh giá: (chỉ chọn và đánh dấu “X” vào 1 trong 4 phương án dưới đây)

- Đáp ứng yêu cầu:

- Đề nghị giao cho tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại Hồ sơ:

- Đề nghị giao cho tổ chức khác đăng ký chủ trì xây dựng Hồ sơ:

- Đề nghị không thực hiện:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG/CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A3-PĐG-NVDAKH&CN-SPQG
12/2013/TT-BKH&CN

BỘ, NGÀNH..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(Tên Cơ quan chủ quản SPQG) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
DỰ ÁN KH&CN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án KH&CN:

.....
.....
.....

2. Học hàm, học vị, họ và tên thành viên Hội đồng:

3. Đánh giá của thành viên Hội đồng (*):

TT	Tên nhiệm vụ	Đề nghị thực hiện	Đề nghị không thực hiện
1	2	3	4
I	Đề tài		
1			
2			
3			
...			
II	Dự án SXTN		
1			
2			
3			
...			

(*): Đánh dấu "X" vào cột tương ứng 3 hoặc 4

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A4-BBKP-TMDAKHCN-SPQG

12/2013/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH.....
(Tên Cơ quan chủ quản SPQG)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT**
DỰ ÁN KH&CN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án KH&CN:
 2. Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-..... ngày.... /.../20.. của..... (Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)
 3. Tổng số thành viên Hội đồng:.../... Số thành viên vắng mặt: .../.....
 4. Kết quả kiểm phiếu:
 - Số phiếu phát ra:
 - Số phiếu thu về:
 - Số phiếu hợp lệ:
 - Số phiếu không hợp lệ:
- Kết quả bỏ phiếu:

STT	Họ và tên thành viên hội đồng	Đáp ứng yêu cầu	Đề nghị giao cho tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại Hồ sơ	Đề nghị giao cho tổ chức khác xây dựng Hồ sơ	Đề nghị không thực hiện
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
	Tổng số				

BAN KIỂM PHIẾU**TRƯỞNG BAN**
(Họ, tên và chữ ký)**ỦY VIÊN THỨ NHẤT**
(Họ, tên và chữ ký)**ỦY VIÊN THỨ HAI**
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A5-BBKP-NVDAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(Tên Cơ quan chủ quản SPQG) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
DỰ ÁN KH&CN

Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án KH&CN:

2. Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-..... ngày..... /...../20.....
của..... (Thủ trưởng cơ quan chủ quản SPQG)
3. Tổng số thành viên Hội đồng: Số thành viên vắng mặt:
4. Kết quả kiểm phiếu:
 - Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
 - Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

KẾT QUẢ BỎ PHIẾU

TT	Tên nhiệm vụ	Họ và tên các thành viên Hội đồng và mức đánh giá “Đề nghị thực hiện”															Số lượng phiếu “Đề nghị thực hiện”	Được đưa ra vào danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án (*)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Đề tài																	
1																		
2																		
3																		
II	Dự án SXTN																	
1																		
2																		
3																		

BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN THỨ NHẤT
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN THỨ HAI
(Họ, tên và chữ ký)

(*) Ghi “Đạt” vào ô tương ứng của cột này cho những nhiệm vụ được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng đánh giá “Đề nghị thực hiện” và số thành viên này không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng.

Biểu A6-PĐH-ĐT-SPQG
12/2013/TT-BKHCN**PHIẾU XÂY DỰNG NỘI DUNG ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI**
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA
*(Dành cho Ủy viên/Chuyên gia phản biện)***Tên Dự án KH&CN:****Học hàm, học vị, họ và tên Ủy viên/Chuyên gia phản biện:****Nội dung đặt hàng:**

1. Tên đề tài:

2. Định hướng mục tiêu:

3. Dự kiến sản phẩm:

4. Thời gian thực hiện:..... tháng; năm bắt đầu/kết thúc:

5. Phương thức thực hiện: *(đánh dấu vào 1 trong 2 hình thức)*- Giao trực tiếp: - Tuyển chọn: 6. Tên tổ chức, cá nhân dự kiến giao chủ trì *(trường hợp giao trực tiếp)*:**ỦY VIÊN/CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN**
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A7-PĐH-DASXTN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN**PHIẾU XÂY DỰNG NỘI DUNG ĐẶT HÀNG DỰ ÁN SXTN**
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA
*(Dành cho Ủy viên/Chuyên gia phản biện)***Tên Dự án KH&CN:****Học hàm, học vị, họ và tên Ủy viên/Chuyên gia phản biện:****Nội dung đặt hàng:**

1. Tên Dự án SXTN:

2. Mục tiêu Dự án SXTN:

3. Sản phẩm chủ yếu và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:

4. Thời gian thực hiện:..... tháng; năm bắt đầu/kết thúc:

5. Phương thức thực hiện: *(đánh dấu vào 1 trong 2 phương thức)*- Giao trực tiếp: - Tuyển chọn:

6. Tên tổ chức, cá nhân dự kiến giao chủ trì:

ỦY VIÊN/CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A8-BBHD-DAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(Tên Cơ quan chủ quản SPQG) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....
DỰ ÁN KH&CN

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

A. Những thông tin chung

1. Tên Dự án KH&CN:

.....
.....

Thuộc Sản phẩm quốc gia: (ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-..... ngày.... /..../20..
của.....(Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG)

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Họp trừ bị

a) Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:....., ngày.../.../20...

b) Thành phần họp:

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

- Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

- Đại biểu tham dự họp Hội đồng:

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị công tác
.....
.....
.....
.....
.....

c) Nội dung làm việc:

- 1) Hội đồng và đại biểu tham dự nhận tài liệu quy định tại Khoản 5 Điều 4;
- 2) Đại diện Đơn vị quản lý SPQG tuyên bố lý do cuộc họp, đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; Đại diện Cơ quan chủ quản SPQG phát biểu ý kiến, nêu yêu cầu đối với Hội đồng (nếu có)
- 3) Hội đồng cử ông/bà.....làm Thư ký khoa học.
- 4) Đại diện tổ chức chủ trì trình bày Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN:
Ông/bà..... Chức vụ, học hàm, học vị:.....
- 5) Hội đồng thảo luận sơ bộ, nêu các câu hỏi đề nghị làm rõ thêm các thông tin, nội dung của Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;
- 6) Hội đồng cử 2 thành viên làm chuyên gia phản biện hồ sơ Dự án KH&CN:
Phản biện 1:.....
Phản biện 2:.....
- 7) Hội đồng thống nhất lịch họp phiên tiếp theo: ngày.....

2. Họp xác định dự án KH&CN và Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

- a) Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:....., ngày... /.../201..
- b) Thành phần họp:
 - Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:...../.....
 - Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:
 - Đại biểu tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị công tác

c) Nội dung làm việc của Hội đồng:

- 1) Hội đồng nghe các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng trình bày nhận xét/đánh giá về hồ sơ, thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN và danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN. Thư ký hội đồng đọc ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên vắng mặt (nếu có).

2) Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của Dự án KH&CN; cho ý kiến về năng lực tổ chức đăng ký chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án KH&CN.

3) Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của từng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

4) Hội đồng bỏ phiếu nhận xét/đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN, phiếu nhận xét/đánh giá danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

5) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên 1:.....

- Ủy viên 2:.....

6) Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu đánh giá Dự án KH&CN và Biên bản kiểm phiếu đánh giá nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN kèm theo.

7) Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu Hội đồng nhất trí:

- Đồng ý thông qua:

- Không đồng ý thông qua:

(Chú ý: Chỉ đánh dấu vào 01 trong 02 phương án trên. Dự án được thông qua phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu "Đáp ứng yêu cầu")

8) Hội đồng kết luận các nội dung chính cần hoàn thiện, bổ sung trong Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: *(đối với trường hợp Dự án được thông qua)*.

9) Hội đồng cử các ủy viên phản biện xây dựng nội dung đặt hàng cho các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN như sau:

STT	Tên nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (*)	Họ và tên Ủy viên phản biện	Ghi chú (Phản biện là thành viên hội đồng hay chuyên gia tư vấn độc lập)
I	Đề tài		
1			
2			
3			
...			
II	Dự án SXTN		
1			
2			
3			
...			

(*) *Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "Đề nghị thực hiện"*

10) Hội đồng kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG (đối với trường hợp Dự án không được thông qua):

- Đề nghị giao cho tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại Hồ sơ:
- Đề nghị giao cho tổ chức khác xây dựng Hồ sơ:
- Đề nghị không thực hiện:

(Chú ý: chỉ đánh dấu vào 01 trong 03 phương án trên khi Hội đồng biểu quyết có ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng nhất trí)

11) Hội đồng thống nhất phiên họp tiếp theo: ngày.....

3. Hợp xây dựng nội dung đặt hàng cho các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

....., ngày... /.../20....

b) Thành phần họp:

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

- Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

- Đại biểu tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị công tác

c) Nội dung làm việc của Hội đồng:

1) Các ủy viên/chuyên gia phản biện trình bày dự thảo nội dung đặt hàng cho nhiệm vụ được phân công.

2) Hội đồng thảo luận, góp ý, hoàn thiện nội dung đặt hàng cho từng nhiệm vụ.

3) Hội đồng thống nhất kiến nghị về phương thức thực hiện cho từng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

4) Hội đồng biểu quyết thông qua nội dung đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trong Danh mục đặt hàng các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (Biểu 9-DMNV-DAKH&CN).

5) Hội đồng kiến nghị:

Hội đồng đề nghị.... (Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG) xem xét, phê duyệt./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A9- DMNV-DAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

DANH MỤC ĐẶT HÀNG CÁC NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

Tên Dự án KH&CN:

I. Đề tài

TT	Tên đề tài	Định hướng mục tiêu	Dự kiến sản phẩm	Phương thức thực hiện, dự kiến tổ chức chủ trì (trường hợp giao trực tiếp)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
...				

II. Dự án SXTN

TT	Tên dự án SXTN	Mục tiêu chủ yếu	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT-KT chủ yếu	Dự kiến tổ chức chủ trì
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
...				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2**DANH MỤC MẪU THẨM ĐỊNH****DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Phiếu thẩm định Đề tài thuộc Dự án KH&CN: Biểu B1- PTĐ-ĐT-SPQG
2. Mẫu Phiếu thẩm định Dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN: Biểu B2-PTĐ-DASXTN-SPQG
3. Mẫu Phiếu thẩm định Dự án KH&CN: Biểu B3-PTĐ-DAKHCN-SPQG
4. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề tài thuộc Dự án KH&CN: Biểu B4-BBTĐ-ĐT-SPQG
5. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN: Biểu B5-BBTĐ-DASXTN-SPQG
6. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN: Biểu B6-BBTĐ-DAKHCN-SPQG

Biểu B1-PTĐ-ĐT-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
DỰ ÁN KH&CN

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên đề tài:

.....
.....

thuộc Dự án KH&CN:

.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG:

3. Cơ quan chủ trì đề tài:

4. Chủ nhiệm đề tài:

5. Học hàm, học vị, họ và tên người thẩm định:

Chuyên môn đào tạo:.....

Cơ quan, đơn vị công tác:.....

6. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định: ngày..... tháng..... năm 20....

A. Rà soát nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Hồ sơ thẩm định, Thuyết minh đề tài

1. Nhận xét, đánh giá chung: *(về tính đầy đủ của Hồ sơ thẩm định; về mức độ hoàn thiện của thuyết minh đề tài: thông tin chung; mục tiêu, nội dung KH&CN và phương án tổ chức thực hiện; sản phẩm KH&CN, phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện đề tài)*

2. Đánh giá về Hồ sơ thẩm định:

a) Đủ điều kiện thẩm định:

b) Không đủ điều kiện để thẩm định: *(nêu rõ lý do)*

II. Rà soát chi tiết nội dung nghiên cứu

1. Nội dung nghiên cứu chính: *(đề xuất cụ thể)*

- Những nội dung phù hợp:

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm: *(có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung nghiên cứu không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)*

- Những nội dung phù hợp:

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

3. Phương án Hợp tác quốc tế, hoạt động chuyển giao công nghệ:

4. Hội thảo khoa học:

5. Tiến độ và thời gian thực hiện: *(mức độ phù hợp về tiến độ của từng nội dung nghiên cứu, bắt đầu, kết thúc)*

Kiến nghị thời gian thực hiện..... tháng.

6. Sản phẩm KH&CN chính của đề tài: *(đề nghị ghi cụ thể)*

B. Nhận xét, thẩm định sơ bộ về kinh phí

1. Nêu ý kiến nhận xét về dự toán kinh phí của đề tài: *(những nội dung chi nào trong dự toán chưa phù hợp với Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý)*

2. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng

Trong đó:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Nguồn khác: triệu đồng

Dự kiến hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước:

▪ Công lao động: triệu đồng

▪ Nguyên vật liệu và năng lượng: triệu đồng

▪ Thiết bị, máy móc: triệu đồng

▪ Xây dựng, sửa chữa nhỏ: triệu đồng

▪ Chi khác: triệu đồng

3. Nhận xét về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện đề tài:

Hà Nội, ngày... tháng..... năm 20....
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2-PTĐ-DASXTN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
DỰ ÁN KH&CN

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN SXTN
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án SXTN:

.....
.....

thuộc Dự án KH&CN:

.....
.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG:

3. Cơ quan chủ trì Dự án SXTN:

4. Chủ nhiệm Dự án SXTN:

5. Học hàm, học vị, họ và tên người thẩm định:

Chuyên môn đào tạo:

Cơ quan công tác:

6. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định: ngày.... tháng..... năm 20....

A. Rà soát nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Hồ sơ thẩm định, Thuyết minh Dự án SXTN

1. Nhận xét, đánh giá chung: *(về tính đầy đủ của Hồ sơ thẩm định; về mức độ hoàn thiện của thuyết minh dự án: thông tin chung; mục tiêu, nội dung và phương án triển khai thực hiện; sản phẩm của dự án, phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện dự án)*

2. Đánh giá về Hồ sơ thẩm định:

a) Đủ điều kiện thẩm định:

b) Không đủ điều kiện để thẩm định: *(nêu rõ lý do)*

II. Rà soát chi tiết nội dung Dự án SXTN

1. Nội dung chính: *(đề xuất cụ thể)*

- Những nội dung phù hợp:

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ: *(có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung dự án không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)*

- Những nội dung phù hợp:

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

3. Phương án Hợp tác quốc tế, hoạt động chuyển giao công nghệ:

4. Hội thảo khoa học:

5. Tiến độ và thời gian thực hiện: *(mức độ phù hợp về tiến độ của từng nội dung công việc, bắt đầu, kết thúc)*

Kiến nghị thời gian thực hiện..... tháng.

6. Sản phẩm chính của Dự án SXTN: *(đề nghị ghi cụ thể)*

B. Nhận xét, thẩm định sơ bộ về kinh phí

1. Nêu ý kiến nhận xét về dự toán kinh phí của Dự án SXTN: *(những nội dung chi nào trong dự toán chưa phù hợp với Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý)*

2. Thẩm định sơ bộ:

a) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Dự án SXTN: triệu đồng

Trong đó:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Nguồn khác: triệu đồng

b) Dự kiến chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các khoản sau:

▪ Thiết bị, máy móc mua mới: triệu đồng

▪ Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo: triệu đồng

▪ Kinh phí hỗ trợ công nghệ: triệu đồng

▪ Chi phí lao động: triệu đồng

▪ Nguyên vật liệu năng lượng: triệu đồng

▪ Thuê thiết bị, nhà xưởng: triệu đồng

▪ Chi khác: triệu đồng

3. Nhận xét về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án SXTN:

Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B3-PTĐ-DAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên Dự án KH&CN:

.....
.....

thuộc Sản phẩm quốc gia: *(ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

.....

2. Cơ quan chủ quản SPQG:

3. Cơ quan chủ trì Dự án KH&CN:

4. Chủ nhiệm Dự án KH&CN:

5. Họ và tên người thẩm định:

Học hàm, học vị:

Chuyên môn đào tạo:

Cơ quan công tác:

6. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định: ngày..... tháng..... năm 20....

A. Rà soát nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Hồ sơ thẩm định, Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN

1. Nhận xét, đánh giá chung: *(về tính đầy đủ của Hồ sơ thẩm định; về mức độ hoàn thiện của Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: thông tin chung; mục tiêu, nội dung và phương án triển khai thực hiện; sản phẩm chính, phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện toàn bộ Dự án KH&CN)*

2. Đánh giá về Hồ sơ thẩm định:

a) Đủ điều kiện thẩm định:

b) Không đủ điều kiện để thẩm định: *(nêu rõ lý do)*

II. Rà soát chi tiết nội dung Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN

1. Mục tiêu dự án KH&CN: *(nhận xét)*

2. Nội dung chính:

- Nhận xét về tính đầy đủ các nội dung chính và các nội dung thành phần phù hợp đã được liệt kê trong Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: *(tên mỗi nhiệm vụ của đề tài, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN là một trong những nội dung chính của Dự án KH&CN; tên các nội dung nghiên cứu của đề tài, nội dung công việc của dự án SXTN là nội dung thành phần thuộc nội dung chính của Dự án KH&CN; các nội dung khác phù hợp để đạt được mục tiêu, sản phẩm của Dự án KH&CN)*

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Những nội dung cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

3. Sản phẩm chính của Dự án KH&CN:

- Nhận xét về tính đầy đủ các dạng sản phẩm chính của Dự án KH&CN (dạng I, II, III) đã liệt kê trong Thuyết minh tổng quát, tính hợp lý về tên sản phẩm, số lượng, chất lượng và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:

- Các sản phẩm chính không phù hợp, cần loại bỏ: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

- Các sản phẩm chính cần bổ sung: *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*

4. Hiệu quả của Dự án KH&CN:

- Nhận xét về hiệu quả KH&CN của Dự án KH&CN:

- Nhận xét về hiệu quả kinh tế của Dự án KH&CN:

- Nhận xét về hiệu quả xã hội:

5. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

- Nhận xét về tính đầy đủ danh mục các đề tài, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN đã được liệt kê trong Thuyết minh tổng quát:

- Tính khả thi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

6. Nhận xét về tính liên kết của các đề tài, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN với mục tiêu, sản phẩm của Dự án KH&CN và mối liên quan giữa Dự án KH&CN với các Dự án đầu tư phát triển sản phẩm quốc gia:

B. Thẩm định về kinh phí dự án KH&CN

1. Tính đầy đủ và hợp lý của việc thẩm định các nhiệm vụ (đề tài, dự án SXTN) thuộc Dự án KH&CN đã được xác định:

a) Số nhiệm vụ đã được thẩm định nội dung và kinh phí:

b) Số nhiệm vụ chưa được thẩm định nội dung và kinh phí:

c) Tổng số kinh phí thẩm định Đợt I của Dự án KH&CN: triệu đồng

Trong đó:

- Tổng số kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Tổng số kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2. Sự hợp lý trong việc phân bổ kinh phí theo từng năm kế hoạch:

3. Phương án huy động các nguồn tài chính:

- Đủ căn cứ để thông qua:

- Chưa đủ căn cứ để thông qua: (nêu rõ cần bổ sung các văn bản gì)

C. Ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định

- Đủ căn cứ để phê duyệt Dự án KH&CN:

- Chưa đủ căn cứ để phê duyệt Dự án KH&CN: (nêu cụ thể)

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Họ, tên và chữ ký)

B. Kết luận của Hội đồng thẩm định**1. Nội dung chuyên môn**

1.1. Mục tiêu chính của đề tài: *(ghi cụ thể)*

1.2. Các nội dung nghiên cứu chính: *(ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a) Hội thảo khoa học: *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*

b) Khảo sát, công tác trong nước: *(số đoàn, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

c) Hợp tác quốc tế: *(số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

d) Thiết bị, máy móc: *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*

1.4. Các hoạt động được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với sản phẩm quốc gia: *(Theo Thông tư liên tịch số 218/2012-TTLL-BTC-BKHCN)*

a) Hoạt động mua bán công nghệ: *(Mua quyền và công cụ phần mềm; mua quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; nhập khẩu sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ theo hợp đồng đã ký kết)*

b) Hoạt động tìm kiếm, thuê chuyên gia: *(Tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền)*

1.5. Dạng sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm: *(ghi cụ thể các sản phẩm chính)*

1.6. Tiến độ và thời gian thực hiện:..... tháng:

2. Về kinh phí thực hiện

2.1. Tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... triệu đồng

+ Kinh phí từ các nguồn khác:..... triệu đồng

2.2. Nội dung chi từ ngân sách nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (so với tổng số)	Ngân sách SNKH	Tự có	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trả công lao động					
2	Nguyên vật liệu năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Chi khác: Trong đó: - Chi đoàn ra, đoàn vào - Chi hỗ trợ SPQG					(theo điểm 1.4 mục 1 phần B)
	Tổng cộng					

3. Về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện đề tài

Biên bản được lập xong lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua.

**THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

B. Kết luận của Hội đồng thẩm định**1. Nội dung chuyên môn**

1.1. Mục tiêu của dự án SXTN: *(ghi cụ thể)*

1.2. Các nội dung nghiên cứu mới, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chính:
(ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a) Hội thảo khoa học: *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*

b) Thiết bị, máy móc: *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*

1.4. Các hoạt động chuyển giao công nghệ được hỗ trợ đối với SPQG: *(Theo Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN)*

1.5. Dạng sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm:
(ghi cụ thể các sản phẩm chính)

1.6. Tiến độ và thời gian thực hiện:.... tháng:

2. Về kinh phí thực hiện

2.1. Dự án SXTN được hỗ trợ tối đa tổng mức đầu tư theo Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN):.....%.

2.2. Tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng,

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... triệu đồng

+ Kinh phí từ các nguồn khác:..... triệu đồng.

2.3. Nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (so với tổng số)	Ngân sách SNKH	Tự có	
1	Thiết bị, máy móc					
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
4	Chi phí lao động					
5	Nguyên vật liệu năng lượng					
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng					
7	Chi khác: <i>Trong đó: chi đoàn ra</i>					
	Tổng cộng					

3. Về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án SXTN

Biên bản được lập xong lúc..... ngày...../...../..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua.

**THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

Biểu B6-BBTĐ-DAKHCN-SPQG

12/2013/TT-BKHCN

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN KH&CN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA**

A. Những thông tin chung

1. Tên Dự án KH&CN:

.....
.....

Mã số..... (nếu có)

Thuộc sản phẩm quốc gia: (ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

.....

2. Tổ chức chủ trì dự án KH&CN:

3. Chủ nhiệm dự án KH&CN:

4. Quyết định thành lập Hội đồng số...../QĐ-BKHCN, ngày.../.../20.. của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Địa điểm và thời gian họp thẩm định:

Địa điểm:..... Ngày họp:.....

6. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

7. Đại biểu tham dự:

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác
.....
.....
.....
.....
.....

B. Kết luận của Hội đồng thẩm định**I. Về Hồ sơ, Thuyết minh tổng Dự án KH&CN**

1. Hồ sơ đủ điều kiện để thẩm định:

2. Hồ sơ không đủ điều kiện để thẩm định:

Hội đồng yêu cầu bổ sung, hoàn thiện cụ thể các tài liệu sau:

II. Về nội dung Thuyết minh Dự án KH&CN

1. Mục tiêu Dự án KH&CN:

- Kết luận về mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Dự án KH&CN:

- Kết luận về chỉnh sửa mục tiêu của Dự án KH&CN, cụ thể như sau:

2. Nội dung chính của Dự án KH&CN:

- Kết luận về tính đầy đủ các nội dung chính và các nội dung thành phần phù hợp đã được liệt kê Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN:

- Kết luận về những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ:

- Kết luận về những nội dung cần bổ sung:

3. Sản phẩm chính của Dự án KH&CN:

- Kết luận về tính đầy đủ các dạng sản phẩm chính của Dự án KH&CN:

- Kết luận về các sản phẩm chính không phù hợp, cần loại bỏ:

- Kết luận về các sản phẩm chính cần bổ sung:

4. Hiệu quả của Dự án KH&CN:

- Kết luận về hiệu quả KH&CN của Dự án KH&CN:

- Kết luận về hiệu quả kinh tế của Dự án KH&CN:

- Kết luận về hiệu quả xã hội của Dự án KH&CN:

5. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

- Kết luận về tính đầy đủ danh mục các đề tài, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN:

- Kết luận về tính khả thi của các đề tài, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN:

6. Kết luận về vai trò và tính liên kết của Dự án KH&CN đối với đầu tư phát triển sản phẩm quốc gia:

C. Kết luận thẩm định về kinh phí dự án KH&CN

1. Tính đầy đủ và hợp lý của việc thẩm định các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án SXTN) đã được xác định thuộc Dự án KH&CN:

- Tổng số nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

Trong đó:

+ Số nhiệm vụ KH&CN đã được thẩm định nội dung và kinh phí:

+ Số nhiệm vụ chưa được thẩm định nội dung và kinh phí:

- Tổng số kinh phí đã thẩm định của Dự án KH&CN: triệu đồng

Trong đó:

+ Tổng số kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước: triệu đồng

+ Tổng số kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2. Sự hợp lý trong việc phân bổ kinh phí theo từng năm kế hoạch:

3. Phương án huy động các nguồn tài chính:

- Hội đồng nhất trí thông qua:

- Chưa đủ căn cứ để thông qua:

D. Kết luận chung của Hội đồng thẩm định

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự án KH&CN trên cơ sở Hồ sơ được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng:

- Đề nghị Ban chủ nhiệm chương trình, Đơn vị quản lý SPQG cung cấp bổ sung Hồ sơ thẩm định hoặc hoàn thiện thuyết minh Dự án KH&CN để đủ điều kiện thẩm định: (*nêu cụ thể*)

**THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

Phụ lục 3**DANH MỤC MẪU PHÊ DUYỆT****DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Mẫu Tờ trình phê duyệt Dự án KH&CN: Biểu C1-TTr-DAKHCN-SPQG
2. Mẫu Quyết định phê duyệt Dự án KH&CN: Biểu C2-QĐ-DAKHCN-SPQG
3. Mẫu Trang phê duyệt Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: Biểu C3-TMTQ-DAKHCN-SPQG

Trong đó:

- Tổng số đề tài:
- Tổng số dự án SXTN:

7. Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đã được xét duyệt, thẩm định nội dung và kinh phí đề nghị phê duyệt để triển khai thực hiện Đợt I gồm..... nhiệm vụ (*Danh mục II trong phụ lục kèm theo*)

Trong đó:

- Tổng số đề tài:
- Tổng số dự án SXTN:

8. Tổng kinh phí thực hiện đề nghị phê duyệt Đợt I là:..... triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ NSNN:..... triệu đồng
- Kinh phí từ các nguồn khác:..... triệu đồng

9. Hồ sơ Dự án KH&CN trình phê duyệt gồm:

a) 01 bản chính Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã được hoàn thiện sau khi thẩm định;

b) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

c) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) 01 bản chính Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN;

e) 01 bản sao Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN đã được Hội đồng thẩm định thông qua;

g) 01 bản chính công văn của Cơ quan chủ quản SPQG (trường hợp Cơ quan chủ quản SPQG không là Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị phê duyệt Dự án KH&CN.

h) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Ban chủ nhiệm chương trình phát triển sản phẩm quốc gia kính trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục**Danh mục I
CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KH&CN**

TT	Mã số, tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Đề tài		
1			
2			
....			
II	Dự án SXTN		
1			
2			
...			

**Danh mục II
CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KH&CN ĐÃ XÉT DUYỆT,
THẨM ĐỊNH NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ**

STT	Mã số, tên nhiệm vụ	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc)	Kinh phí thực hiện			Ghi chú
				Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KHCN	Kinh phí khác	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
I	Đề tài						
1							
2							
...							
II	Dự án SXTN						
1							
2							
...							

Biểu C2-QĐ-DAKHCN-SPQG

12/2013/TT-BKHCN

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BKHCN

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20...***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ
phát triển sản phẩm quốc gia bắt đầu thực hiện từ năm 20...****BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục Sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 12/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia;

Xét hồ sơ Dự án KH&CN trình phê duyệt và đề nghị của các ông Chủ nhiệm chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Vụ trưởng Vụ (chuyên ngành), Vụ trưởng Vụ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 bắt đầu thực hiện từ năm 20..., bao gồm:

I. Phê duyệt Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN

1. Tên Dự án KH&CN:.....

Mã số:.....

2. Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia:

3. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN:

4. Chủ nhiệm Dự án KH&CN:

5. Thời gian thực hiện:..... năm; Bắt đầu:..... Kết thúc:.....

6. Mục tiêu, nội dung, sản phẩm chính của Dự án KH&CN, Danh mục các nhiệm vụ (đề tài, dự án SXTN) thuộc Dự án KH&CN, Phương án huy động các nguồn tài chính chi tiết trong Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN.

7. Dự toán kinh phí thực hiện Dự án KH&CN:

Tổng kinh phí thực hiện Dự án KH&CN:..... triệu đồng

(bằng chữ:.....)

Trong đó:

- Tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:..... triệu đồng

- Tổng kinh phí từ nguồn vốn khác:..... triệu đồng

II. Phê duyệt kinh phí thực hiện Dự án KH&CN

1. Kinh phí thực hiện..... nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN gồm.... đề tài và.... dự án SXTN bắt đầu thực hiện từ năm 20... là..... triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:..... triệu đồng *(bằng chữ:.....)*

- Kinh phí từ nguồn vốn khác:..... triệu đồng.

(Chi tiết trong phụ lục kèm theo)

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được cân đối từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Kinh phí từ nguồn vốn khác thực hiện Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN thực hiện theo Phương án huy động các nguồn tài chính ghi trong Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã phê duyệt.

Điều 2. Giao cho Ban chủ nhiệm chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Đơn vị quản lý sản phẩm quốc gia, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN tổ chức việc ký kết hợp đồng, triển khai thực hiện Dự án KH&CN nêu tại Điều 1 và các nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN theo trách nhiệm quy định tại Thông tư số 10/2012/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 để triển khai thực hiện.

Điều 3. Các ông Chủ nhiệm chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Vụ trưởng Vụ (chuyên ngành), Vụ trưởng Vụ....., Chánh Văn phòng Bộ Khoa học

và Công nghệ, Thủ trưởng Đơn vị quản lý sản phẩm quốc gia thuộc Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia, Giám đốc Văn phòng các Chương trình quốc gia về KH&CN, Thủ trưởng Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, Thủ trưởng Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Chủ nhiệm Dự án KH&CN, Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan chủ quản SPQG;
- Lưu: VT, BCN.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục
DANH MỤC VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM.....

*(Kèm theo Quyết định số..... QĐ/BKH&CN ngày..... tháng..... năm 20...
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Mã số, tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Thời gian thực hiện (bắt đầu/ kết thúc)	Kinh phí thực hiện			Ghi chú
				Tổng kinh phí	Ngân sách sự nghiệp KH&CN	Kinh phí khác	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	
I	Đề tài						
1							
2							
...							
II	Dự án SXTN						
1							
2							
...							

Biểu C3-TMTQ-DAKHCN-SPQG
12/2013/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG QUÁT
DỰ ÁN KH&CN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA
(Theo Quyết định số..... QĐ/BKHCN ngày... tháng... năm 20 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên Dự án KH&CN:

Thuộc Sản phẩm quốc gia:

2. Cơ quan chủ quản SPQG:

3. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN:

4. Chủ nhiệm Dự án KH&CN:

5. Thời gian thực hiện: năm..... Bắt đầu:..... Kết thúc:.....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

*(Ghi chú: Trang phê duyệt này được đóng quyền tại trang đầu tiên của
Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN và đóng dấu, giáp lai khi Dự án KH&CN
được phê duyệt)*